

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025

V/v: “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cil Pam Ha Lan

- Bà K’Nga

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Bà Vàng Thị D; Sinh năm: 1993*

Địa chỉ: Tiểu khu A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

** Bị đơn: Ông Giàng Mí M; Sinh năm: 1993*

Địa chỉ: Tiểu khu A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Vàng Thị D trình bày:

Bà và ông Giàng Mí M có quen biết và tìm hiểu về nhau được khoảng một tháng thì tháng 11 năm 2017 ông M đến cầu hôn với bà và bà đồng ý, cả hai đã chung sống như vợ chồng tại thôn C xã L huyện Đ vì do điều kiện nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định, mặc dù bà đã nhiều lần động viên ông M đi đăng ký kết hôn nhưng ông M

không đi. Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc chỉ được thời gian đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông M thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho cuộc sống và xây dựng hạnh phúc gia đình nên hiện nay bà và ông M đã không còn chung sống với nhau nữa, tình cảm giữa hai người cũng không còn vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố bà và ông Giàng Mí M không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì bà và ông M có hai người con chung là cháu Vàng Mí H sinh ngày 12/03/2019 và cháu Vàng Thị P sinh ngày 01/04/2020. Hiện nay, các cháu đang ở với bà nên bà muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Theo bà M thì bà và ông M không có nợ chung.

Ngoài ra, bà không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm

Đối với bị đơn – ông Giàng Mí M: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án bị đơn ông Giàng Mí M mặc dù đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng ông M không đến làm việc, vắng mặt không có lý do. Vì vậy không có lời khai cũng như ý kiến trình bày của ông M đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Vàng Thị D trong hồ sơ vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, công khai chứng cứ và hòa giải về trách nhiệm nuôi con chung nhưng không được do ông M vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vàng Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông Giàng Mí M và bà Vàng Thị D sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay tình cảm giữa ông M và bà D không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Giàng Mí M và bà Vàng Thị D.

Về con chung: gồm cháu Vàng Mí H sinh ngày 12/03/2019 và cháu Vàng Thị P sinh ngày 01/04/2020. Hiện nay, các cháu đang ở với bà D và bà D cũng muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung cho bà Vàng Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, ông Giàng Mí M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: bà Vàng Thị D xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc ông Giàng Mí M và bà Vàng Thị D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn nên bà D làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Giàng Mí M. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “không công nhận quan hệ vợ chồng”, ông M và bà D đều có địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai nhận của nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì thấy rằng ông Giàng Mí M và bà Vàng Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy bà Vàng Thị D làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Giàng Mí M. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa ông Giàng Mí M và bà Vàng Thị D không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, do vậy yêu cầu của bà D là có căn cứ và Hội đồng xét xử chấp nhận, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Giàng Mí M và bà Vàng Thị D.

[3] Về con chung: Theo bà Vàng Thị D thì bà và ông Giàng Mí M có hai con chung là cháu Vàng Mí H sinh ngày 12/03/2019 và cháu Vàng Thị P sinh ngày 01/04/2020. Xét thấy, hiện nay các cháu đang ở với bà D và bà D muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con đến tuổi trưởng thành, ông M thường xuyên vắng mặt và để đảm bảo cho các con có điều kiện phát triển tốt nhất nên cần giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con là phù hợp, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Theo bà D1 thì bà và ông M không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo bà D1 thì bà và ông M không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn bà Vàng Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Vàng Thị D là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vàng Thị D và ông Giàng Mí M.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Mí H sinh ngày 12/03/2019 và cháu Vàng Thị P sinh ngày 01/04/2020 cho bà Vàng Thị D muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành, ông Giàng Mí M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Vàng Thị D. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/5/2025), bị đơn vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng